TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HS-ST
Ngày: 28 - 5 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Phúc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trọng Vịnh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2025/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Vũ H, sinh ngày 06/7/2001; nơi sinh tỉnh Bến Tre; tên gọi khác: không. Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Vũ P, sinh năm 1977; Mẹ: Phan Thị Mỹ D, sinh năm 1979; Vợ con chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/01/2025 cho đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 15/6/1997, tại tỉnh Bến Tre; tên gọi khác: không. Nơi cư trú: ấp T, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Văn S, sinh năm: 1959; Mẹ: Lê Thị L, sinh năm: 1965; Vợ con chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

- Về nhân thân:

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-XPHC ngày 12/9/2024 của Công an xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre xử phạt Nguyễn Hoàng N 2.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản. Quyết định xử phạt nêu trên của Công an xã T là không đúng thẩm quyền.

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 16/QĐ-XPHC ngày 26/02/2025 của Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt Nguyễn Hoàng N 2.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản vào ngày 21/11/2024, đã nộp phạt xong vào ngày 02/4/2025.

Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 09/01/2025 cho đến nay (có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Vũ H: Bà Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1977 – Là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (có mặt)

Địa chỉ: số C, đường P, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

* Bị hại:

- Ông Nguyễn Bá N1, sinh năm 1986. Nơi cư trú: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre (vắng mặt)

- Ông Võ Hữu T, sinh năm 1977. Nơi cư trú: ấp Q, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre (vắng mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Đào Thị H1, sinh năm 1976. Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt)

- Bà Phan Thị Mỹ D, sinh năm 1979. Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt)

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1959. Nơi cư trú: ấp T, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt)

** Người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Châu V, sinh năm: 1975. Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Anh Đoàn Hoài K, sinh năm 2003. Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Vũ H thường xuyên đi bắt cá trên sông và quan sát thấy các hộ dân sinh sống cặp các tuyến sông có buộc ghe loại Composite, nên H nảy sinh ý định trộm cắp ghe của người dân mang bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Vào ngày 30/10/2024 và ngày 19/12/2024, H đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản là ghe Composite, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 03 giờ 00 phút ngày 30/10/2024, H điều khiển ghe Composite có gắn động cơ nhãn hiệu Hundai GB460V từ nhà H ở ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre đến điểm đậu ghe cặp sông H của ông Võ Hữu T ở ấp Q, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre, lúc này trên ghe của ông T có gắn động cơ xăng 6,5HP, nhãn hiệu Classic CLA-168F65 và 01 bình Acquy. H điều khiển ghe cập sát vào ghe của ông T và dùng tay mở dây buộc ghe của ông T cột vào khung kim loại động cơ ghe của H rồi điều khiển tẩu thoát.

Sau khi trộm được tài sản, H tháo động cơ trên ghe của ông T đem về nhà cất giữ. Sau đó, H sử dụng điện thoại di động lên mạng xã hội Facebook vào hội nhóm "Giao lưu vỏ máy" tìm kiếm người mua ghe và đã bán cho người thanh niên không biết họ tên, địa chỉ với giá 2.500.000 đồng. Đối với động cơ xăng loại 6.5HP, sau quá trình sử dụng bị cáo đã bán cho vựa thu mua phế liệu do bà Đào Thị H1 làm chủ với số tiền 300.000 đồng, sau đó bà H1 đã bán lại cho người khác không thu hồi được tài sản. Đối với bình Acquy trộm được của ông T, bị cáo H để lại sử dụng bị hư hỏng nên đã ném bỏ, không thu hồi được tài sản.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 03/4/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng hình sự huyện G, xác định:

- 01 ghe Composite, chiều dài 4,5m, chiều rộng nhất 0,8m, màu sơn xanh - trắng, mua mới tháng 10 năm 2022, giá 2.500.000 đồng.

- 01 máy động cơ xăng 6,5HP, nhãn hiệu Classic CLA-168F65, mua mới tháng 10 năm 2022, giá 2.500.000 đồng.

- 01 bình acquy, nhãn hiệu GS N200 (12V-200Ah), vỏ bình màu trắng, mua mới tháng 10 năm 2022, giá 1.000.000 đồng.

Tổng cộng là 6.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào đêm ngày 18 rạng sáng ngày 19/12/2024, trong lúc nhậu chung, H rủ Nguyễn Hoàng N đi lấy trộm chiếc ghe Composite của anh Nguyễn Bá N1 đậu cặp sông B ở ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre, để mang bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân, N đồng ý.

Khoảng 01 giờ 05 phút cùng ngày, H điều khiển ghe loại Composite có gắn động cơ nhãn hiệu Hundai GB460V và mang theo động cơ xăng 6,5HP, nhãn hiệu Classic CLA-168F65 mà H đã lấy trộm của ông Võ Hữu T trước đó để trên ghe chở N từ nhà H ở ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre đến địa điểm đậu ghe của anh N1, lúc này trên ghe của anh N1 có để 01 miệng đáy, 01 con dao, 01 cái cưa, 01 cái búa, 01 cái kiềm, 01 đoạn dây bô (dây thừng). H điều khiển ghe cập sát vào ghe của anh N1 và dùng tay mở dây buộc ghe, N dùng tay giữ ghe của anh N1 để H điều khiển ghe kéo theo ghe vừa trộm được rời khỏi bến ra sông một đoạn khoảng 100 mét. H và N kéo miệng đáy từ trên ghe xuống bụi dừa nước cập bờ sông. N lấy các dụng cụ gồm dao, cưa, búa, kiềm và đoạn dây ném bỏ xuống lòng sông. H lấy động cơ ghe mang theo gắn vào ghe trộm được, N điều khiển ghe vừa trộm được của anh N1, H điều khiển ghe của H tẩu thoát về nhà của H cất giấu. Đến khoảng 06 giờ 00 phút cùng ngày, anh N1 phát hiện bị mất trộm tài sản nên đi tìm và tìm thấy miệng đáy nằm cặp bờ sông, anh N1 vớt miệng đáy lên bờ mang về cất giữ.

Sau đó, H liên hệ bán ghe trộm được của anh N1 cho anh Đoàn Hoài K, với giá 6.000.000 đồng nhưng anh K chưa thanh toán tiền mua ghe cho H. Sau khi mua ghe của H, ngày 07/01/2025, anh K mang ghe đến cơ sở sản xuất, sửa chữa ghe, xuồng của ông Nguyễn Châu V ở ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre để lắp động cơ vào ghe. Ngày 09/01/2025, Cơ quan điều tra đến cơ sở của ông V thu hồi được chiếc ghe này.

Vật chứng thu giữ:

- Bị hại Nguyễn Bá N1 giao nộp: 01 miệng đáy dài 38,1m, rộng 9,4m, chất liệu lưới nilon, đã qua sử dụng, hiện đã trao trả cho bị hại.

- Ông Nguyễn Châu V tự nguyện giao nộp: 01 ghe Composite dài 7,2m, rộng nhất 1,15m, trọng tải 1,5 tấn, màu sơn xanh – trắng, trên thân ghe có chữ "TTC", hiện đã trao trả cho bị hại.

- Tạm giữ của Nguyễn Vũ H: 01 ghe Composite dài 4,9m, rộng nhất 0,75m, màu sơn xanh lá và xanh dương, trên mũi ghe có chữ "HVC", trên ghe có gắn động cơ nhãn hiệu "HUNDAI GB460V" liên kết với chân vịt bằng kim loại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh, bên trong gắn sim số 0379.600.400, là công cụ, phương tiện H sử dụng để phạm tội, hiện còn đang tạm giữ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, loại bàn phím, vỏ màu đen, bên trong gắn sim số 0347.848.663, không liên quan đến hành vi phạm tội của H, hiện còn đang tạm giữ.

Đối với các dụng cụ gồm dao, cưa, búa, kiềm và đoạn dây, Nguyễn Hoàng N đã ném bỏ xuống lòng sông Ba Vông, do trời tối N không nhớ đã ném bỏ ở đoạn nào trên sông, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với động cơ xăng 6,5HP Hiền trộm được của ông Võ Hữu T và sử dụng để đi trộm ghe của anh N1 đã bị hư hỏng nên H bán ve chai cho bà Đào Thị H1 với giá 300.000 đồng, sau đó bà H1 đã bán lại cho người mua ve chai dạo không biết họ tên, địa chỉ. Cơ quan điều tra không thu hồi được các tài sản H đã lấy trộm của ông T vào ngày 30/10/2024.

Căn cứ các Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐG ngày 08/01/2025 và số 09/KL-HĐĐG ngày 02/4/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên trong Tố tụng hình sự huyện G xác định:

- 01 ghe Composite chiều dài 7,2m, chiều rộng 1,15m, trọng tải 1,5 tấn, màu xanh - trắng, trên ghe có chữ "TTC" mua mới ngày 18/8/2024, giá 8.000.000 đồng.

- 01 con dao cán gỗ dài 35cm, lưỡi dài 07cm, mua mới năm 2021, giá 50.000 đồng.

- 01 cái cưa nhãn hiệu Top, cán nhựa màu đen, loại 350mm, mua mới tháng 8 năm 2024, giá 180.000 đồng.

- 01 cái búa cán gỗ (búa rìu), cán dài 30cm, lưỡi dài 06cm, mua mới tháng 8 năm 2024, giá 40.000 đồng.

- 01 cái kiềm mỏ nhọn, cán màu đỏ, chiều dài 15cm, mua mới năm 2021, giá 15.000 đồng.

- 01 đoạn dây bô (dây thừng), loại 14ly, chiều dài 15m, mua mới tháng 8 năm 2021, giá 180.000 đồng.

- 01 miệng đáy chiều dài 38,1m, chiều rộng 9,4m, chất liệu lưới nilon, mua cũ tháng 7 năm 2024, sửa chữa thêm vào tháng 8/2024, giá 33.000.000 đồng.

Tổng cộng là 41.465.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo H còn thực hiện 01 vụ Trộm cắp tài sản khác trên địa bàn huyện M, tỉnh Bến Tre, cụ thể như sau: khoảng 20 giờ 00 phút ngày 05/5/2024, tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Vũ H đã lén lút lấy trộm tài sản của ông Phạm Văn H2 gồm: 01 chiếc ghe loại Composite màu xanh - trắng dài khoảng 5,4m, rộng khoảng 0,9m gắn động cơ nhãn hiệu Honda 5,5HP giá 1.575.000 đồng và 04 tấm lưới cá mỗi tấm dài 50m giá 285.000 đồng, tổng cộng là 1.860.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ban hành Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 1988 và chuyển hồ sơ cho Công an xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre để xử phạt vi phạm hành chính đối với H.

Quá trình điều tra, Nguyễn Vũ H, Nguyễn Hoàng N khai nhận hành vi Trộm cắp tài sản phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại, những người làm chứng, vật chứng tạm giữ, kết quả xác định hiện trường, khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Nguyễn Bá N1 yêu cầu các bị cáo Nguyễn Vũ H, Nguyễn Hoàng N liên đới bồi thường giá trị các tài sản bị mất gồm 01 con dao, 01 cái cưa, 01 cái búa, 01 cái kiềm, 01 đoạn dây bô (dây thừng) theo kết luận định giá là 465.000 đồng, ngoài ra bị hại N1 không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Các bị cáo đã bồi thường xong, cụ thể bị cáo H đã bồi thường 235.000 đồng, bị cáo N đã bồi thường 230.000 đồng.

- Bị hại Võ Hữu T yêu cầu bị cáo Nguyễn Vũ H bồi thường toàn bộ thiệt hại theo kết luận định giá là 6.000.000 đồng, ngoài ra bị hại T không có yêu cầu bồi thường gì thêm, bị cáo H đồng ý và đã bồi thường xong.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông S không yêu cầu bị cáo N trả lại cho ông 230.000 đồng; bà D không yêu cầu bị cáo H trả lại cho bà 6.235.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 17/CT-VKSGT, ngày 29/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre truy tố các bị cáo Nguyễn Vũ H và Nguyễn Hoàng N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tại phiên tòa:

Các bị cáo H, N khai nhận đã thực hiện các hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Các bị cáo thống nhất với các kết luận định giá tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường cùng sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D trình bày: Bà là mẹ ruột của bị cáo H, bà đã bồi thường cho bị hại T 6.000.000 (sáu triệu) đồng, bồi thường cho bị hại N1 235.000 (hai trăm ba mươi lăm nghìn) đồng thay cho bị cáo H. Đây là sự tự nguyện của bà, bà không yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền bà đã bồi thường cho ông T.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị tuyên bố: Nguyễn Vũ H và Nguyễn Hoàng N phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo Nguyễn Vũ H: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 (chín) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù.

- Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng N: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: đã giải quyết xong trong giai đoạn điều tra, nên không đề cập.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 ghe Composite dài 4,9m, rộng nhất 0,75m, màu sơn xanh lá và xanh dương, trên mũi ghe có chữ "HVC", trên ghe có gắn động cơ nhãn hiệu "HUNDAI GB460V" liên kết với chân vịt bằng kim loại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh của bị cáo H.

- Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim số 0379.600.400 của bị cáo H.

- Trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, loại bàn phím, vỏ màu đen, bên trong gắn sim số 0347.848.663, không liên quan đến hành vi phạm tội.

Các bị cáo thống nhất theo quan điểm luận tội, không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Người bào chữa cho bị cáo H trình bày: Thống nhất với bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo H về tội danh là Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật JHình sự là "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" đối với bị cáo H căn cứ Nghị quyết 01/2018/NQ-HĐTP ngày 24/4/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tại khoản 2 Điều 2; và theo Văn bản số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao tại mục 4.1. Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo Hiền từ 09 đến 18 tháng tù là quá cao đối với hành vi của bị cáo. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, nhận thức pháp luật còn rất hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đồng thời đề nghị áp dụng cho bị cáo H được hưởng mức hình phạt thấp nhất của tội danh quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt từ 9 (chín) tháng đến 10 (mười) tháng tù là phù hợp và tương thích với hành vi phạm tội của bị cáo H.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đã nhận thức được sai lầm, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị hại Võ Hữu T, Nguyễn Bá N1; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S, bà Đào Thị H1 vắng mặt (ông T, ông N1, bà H1, ông S có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt). Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, những người vắng mặt đã có lời khai rõ ràng thể hiện trong hồ sơ vụ án, không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Về hành vi bị truy tố của các bị cáo, xét lời khai nhận của các bị cáo H, N tại phiên tòa là phù hợp nhau về thời gian, địa điểm và diễn biến về hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Ngoài ra, lời khai nhận của các bị cáo còn phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người

làm chứng cùng các nguồn chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra và được thẩm tra tại phiên tòa như: vật chứng tạm giữ, kết quả xác định hiện trường, khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra đã thu thập. Từ đó, có cơ sở xác định: Vào khoảng 03 giờ 00 phút ngày 30/10/2024, tại ấp Q, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre, bị cáo H lén lút lấy trộm tài sản của ông Võ Hữu T gồm: 01 chiếc ghe Composite trị giá 2.500.000 đồng; 01 động cơ xăng 6,5HP, nhãn hiệu Classic CLA-168F65, trị giá 2.500.000 và 01 bình Acquy trị giá 1.000.000 đồng, tổng cộng là 6.000.000 đồng. Khoảng 01 giờ 05 phút ngày 19/12/2024, tại ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre, bị cáo H cùng bị cáo N lén lút lấy trộm tài sản của ông Nguyễn Bá N1 gồm: 01 ghe loại Composite trị giá 8.000.000 đồng, 01 miệng đáy trị giá 33.000.000 đồng, 01 con dao trị giá 50.000 đồng, 01 cái cưa trị giá 180.000 đồng, 01 cái búa trị giá 40.000 đồng, 01 cái kiềm trị giá 15.000 đồng, 01 đoạn dây bô (dây thừng) trị giá 180.000 đồng, tổng cộng là 41.465.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo H đã chiếm đoạt của các bị hại là 47.465.000 đồng.

Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện vì động cơ vụ lợi, vì mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, xâm phạm quan hệ sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Do đó, hành vi của các bị cáo Nguyễn Vũ H, Nguyễn Hoàng N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về tiền án, tiền sự, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo:

Về tiền án, tiền sự: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Về nhân thân: Bị cáo N có nhân thân xấu, từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản. Bị cáo H có nhân thân tốt, tuy nhiên bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản.

Quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Các bị cáo là người đang ở độ tuổi lao động, đáng lẽ các bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp, lao động hợp pháp tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân, gia đình nhưng các bị cáo lại thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự, trị an tại địa phương.

Điều này thể hiện các bị cáo có ý thức xem thường pháp luật, khó tự nhận thức, cải tạo. Do đó, cần có hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Bị cáo H một mình lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại T vào ngày 30/10/2024. Bị cáo H rủ bị cáo N cùng lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại N1 vào ngày 19/12/2024, đây là trường hợp có đồng phạm nhưng giản đơn, các bị cáo không có bàn bạc, thỏa thuận phân chia nhiệm vụ trong thực hiện hành vi phạm tội; hành vi của các bị cáo có sự liên kết hỗ trợ nhau. Tuy nhiên, bị cáo H giữ vai trò chính, chủ động trong việc rủ rê bị cáo N cùng thực hiện tội phạm. Do đó, có xem xét đến tính chất và mức độ tham gia của từng bị cáo trong đồng phạm khi quyết định hình phạt.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H phạm tội 02 lần trở lên, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ Luật Hình sự. Bị cáo N ngoài tình tiết định tội, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường xong cho các bị hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo H có bà nội Võ Thị H3 được Ủy ban nhân dân tỉnh B tặng Bằng Khen, ông ngoại Phan Văn R và bà ngoại Trần Thị N2 được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì; Bị cáo N có ông nội Nguyễn Văn T1, bác ruột Nguyễn Văn M là liệt sĩ, bà nội Nguyễn Thị Đ là bà mẹ Việt Nam anh hùng. Do đó, bị cáo H được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo N được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Người bào chữa cho bị cáo H đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo H theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng". Hội đồng xét xử xét thấy, tuy bị cáo H chưa bị kết án nhưng ngày 30/10/2024 bị cáo H Trộm cắp tài sản của ông Võ Hữu T bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong cùng lần phạm tội sau là ngày 19/12/2024 đối với hành vi "Trộm cắp tài sản" của ông Nguyễn Bá N1 nên không được coi là phạm tội lần đầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo H theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng".

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện, hoàn cảnh các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại T đã nhận đủ tiền bồi thường thiệt hại không yêu cầu gì thêm. Bị hại N1 đã nhận lại tài sản bị mất trộm và tiền bồi thường thiệt hại đối với tài sản không thu hồi được, không yêu cầu gì thêm. Ông Nguyễn Văn S không yêu cầu bị cáo N trả lại số tiền 230.000 đồng, bà Phan Thị Mỹ D không yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền 6.235.000 đồng nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[11] Về xử lý vật chứng:

- Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã trao trả cho chủ sở hữu ông Nguyễn Bá N1: 01 ghe Composite dài 7,2m, rộng nhất 1,15m, trọng tải 1,5 tấn, màu sơn xanh – trắng, trên thân ghe có chữ "TTC"; 01 miệng đáy chiều dài 38,1m, chiều rộng 9,4m, chất liệu lưới nilon đã qua sử dụng là phù hợp với quy định.

Đối với các vật chứng đang tạm giữ gồm:

- 01 ghe Composite dài 4,9m, rộng nhất 0,75m, màu sơn xanh lá và xanh dương, trên mũi ghe có chữ "HVC", trên ghe có gắn động cơ nhãn hiệu "HUNDAI GB460V" liên kết với chân vịt bằng kim loại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu

Iphone 12 màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh, là công cụ, phương tiện bị cáo H sử dụng để phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim số 0379.600.400 thuộc sở hữu của bị cáo H, là công cụ, phương tiện bị cáo H sử dụng để phạm tội, do không còn giá trị sử dụng.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, loại bàn phím, vỏ màu đen, bên trong gắn sim số 0347.848.663 của bị cáo H, không liên quan đến hành vi phạm tội, bị cáo H có yêu cầu nhận lại nên cần trả lại cho bị cáo H.

[12] Đối với anh Đoàn Hoài K và bà Đào Thị H1 là người mua tài sản do bị cáo H bán nhưng anh K và bà H1 không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có, nên không bị xử lý hình sự.

[13] Đối với bị cáo H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Phạm Văn H2 vào ngày 05/5/2024 trị giá 1.860.000 đồng, dưới định lượng (dưới 2.000.000 đồng) để truy cứu trách nhiệm hình sự, đồng thời H chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản. Do đó, ngày 08/4/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ban hành Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 1988 và chuyển hồ sơ cho Công an xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre để xử phạt vi phạm hành chính đối với H là đúng quy định pháp luật.

[14] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ H và bị cáo Nguyễn Hoàng N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1.1 Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ H 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 09/01/2025.

1.2 Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 09/01/2025.

[2] Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 ghe Composite dài 4,9m, rộng nhất 0,75m, màu sơn xanh lá và xanh dương, trên mũi ghe có chữ "HVC", trên ghe có gắn động cơ nhãn hiệu "HUNDAI GB460V" liên kết với chân vịt bằng kim loại;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh;

Tịch thu tiêu hủy 01 sim số 0379.600.400.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Vũ H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, loại bàn phím, vỏ màu đen, bên trong gắn sim số 0347.848.663.

(Các vật chứng nêu trên được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/5/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre).

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Nguyễn Vũ H, Nguyễn Hoàng N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo Nguyễn Vũ H, Nguyễn Hoàng N; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Mỹ D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại Võ Hữu T, Nguyễn Bá N1; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị H1, ông Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THA dân sự huyện Giồng Trôm;
- Phân trại tạm giam khu vực huyện Giồng Trôm;
- Bộ phận Hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát công an tỉnh Bến Tre.
- Ủy ban nhân dân xã Hòa Lộc, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre;
- Các bị cáo; các bị hại; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Trang Phạm Thành Đ1 Nguyễn Thị N3